

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 55/2018/HS-ST
Ngày 16 tháng 5 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Luyến

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thư ;
2. Bà Nguyễn Thị Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 49/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64 /2018/QĐXXST- HS ngày 03 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Văn S, sinh năm 1970 tại xóm C, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn T, sinh năm 1934 và bà Đặng Thị N, sinh năm 1933; có vợ: Hà Thị O, sinh năm 1974 và có 5 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/11/1991 bị Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích”. Tại Quyết định số 2377 ngày 29/4/2009, Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên quyết định đưa vào Trung tâm chữa bệnh, giáo dục, lao động xã hội tỉnh Thái Nguyên 12 tháng, chấp hành xong 10/5/2010. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 26/12/2017, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2017 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Lê Thị H, sinh năm 1998, địa chỉ xóm C, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt)

*** Người chứng kiến:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960, địa chỉ tổ dân phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 25 phút ngày 26/12/2017 tại khu vực docks bến phà C, phường P, thành phố B, tổ công tác Công an thành phố B bắt quả tang Lê Văn S có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ bao gồm:

- 03 gói giấy bạc đều có mặt ngoài màu trắng bạc, mặt trong màu trắng, bên trong đều đựng chất cục bột màu trắng nghi là ma túy Hêrôin, thu tại nền đất gần chỗ Sinh đứng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen xanh có số Imei 358322/03/722083/3.

Tổ công tác tiến hành niêm phong tại chỗ vật chứng nghi ma túy vào 01 (một) phong bì thư, lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang.

Tại Kết luận giám định số 2026/KL- PC54 ngày 27/12/2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: “Chất cục bột màu trắng đựng trong 3 (ba) gói giấy bạc đều có mặt ngoài màu trắng bạc, mặt trong màu trắng đều là chất ma túy Heroine, có tổng trọng lượng là 0,210 gam” .

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 26/12/2017, bị cáo đang làm xây dựng tại chùa Song Khê, xã Song Khê, thành phố B thì có người thanh niên mới quen tên là H gọi điện đến rủ đi chơi, bị cáo đồng ý. Khoảng 10 phút sau, H đi xe mô tô đến đón bị cáo. Khi chờ bị cáo đến khu vực gần cầu Mỹ Độ thì H bảo bị cáo góp tiền mua ma túy nhưng bị cáo không có tiền thì H bảo sẽ đưa tiền cho và chỉ chỗ cho bị cáo mua ma túy. Khi H chờ bị cáo đến khu vực bờ đê C, phường P, H đỗ xe đứng đợi, đưa cho bị cáo 150.000 đồng và chỉ vào một nhà gần đó để mua ma túy. Bị cáo cầm tiền do H đưa rồi đến một nhà gần bờ đê, bị cáo đưa tiền qua ô cửa thấy một người phụ nữ lấy tiền rồi đưa cho 3 gói ma túy Heroine. Bị cáo cầm 3 gói ma túy đi ra chỗ H để đi về, khi đi được khoảng 10m thì bị tổ công tác Công an thành phố B bắt quả tang. Do sợ hãi nên bị cáo đã thả rơi 3 gói ma túy xuống đất cạnh chỗ bị cáo đứng nhưng vẫn bị tổ công tác thu giữ. Viện kiểm sát thành phố B truy tố bị cáo về tàng trữ trái phép chất ma túy là đúng, không oan. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị H trình bày: Chị có đứng tên sổ thuê bao điện thoại 0169 803 7766, chị sử dụng một thời gian thì cho bố đẻ là Lê Văn S sử dụng để liên lạc hàng ngày. Nay chị đề nghị trả lại điện thoại cùng sim số thuê bao như trên cho bố đẻ Lê Văn S.

Người chứng kiến là ông Nguyễn Văn T trình bày: Ngày 26/12/2017 tại khu vực bờ đê C thuộc phường P, thành phố B ông Thịnh được mời chứng kiến việc cơ quan công an bắt đối tượng Lê Văn S và tiến hành niêm phong 03 gói giấy bạc Sinh khai là ma túy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án vẫn giữ nguyên quyết định như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn S phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".
2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Lê Văn S từ 18 đến 20 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 26/12/2017.
3. Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen xanh có số Imei 358322/03/722083/3 trong có thẻ sim.
4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Căn cứ vào biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của bị cáo, Kết luận giám định đủ căn cứ xác định: Hồi 10 giờ 25 phút ngày 26/12/2017 tại khu vực dốc bến phà C, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, bị cáo có hành vi tàng trữ trái phép 0,210 gam chất ma túy Heroine để sử dụng. Hành vi của bị cáo cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo tội danh, điều, khoản, điểm trên là có căn cứ.

[3]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, làm ảnh hưởng tới sức khỏe con người, là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác, là tệ nạn xã hội cần phải bài trừ. Do vậy cần phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[4]. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn ă, hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5]. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[6]. Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính nhưng không chịu cải sửa nay lại phạm tội do cố ý. Do vậy, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, giáo dục bị cáo, phòng ngừa tội phạm cần áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo. Do có sự thay đổi của pháp luật đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” cụ thể: tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 có quy định về khung hình phạt đối với người có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (Hêrôin) có khối lượng từ 0,1gam đến 05 gam là từ 01 năm đến 05 năm, tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định khung hình phạt của tội này là từ 02 năm đến 07 năm. Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì các quy định có lợi cho người phạm tội được xem xét, áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7]. Tại biên bản xác minh ngày 03/01/2018 chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cung cấp bị cáo Lê Văn S không có nghề ổn định, gia đình thuộc hộ cận nghèo. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Đối với người phụ nữ bán ma túy cho bị cáo do bị cáo khai không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể ở đâu nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xác minh xử lý.

[9]. Đối với người đàn ông tên H bị cáo khai là người rủ và đưa tiền cho bị cáo để mua ma túy, Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không có kết quả nên không có căn cứ để xử lý.

[10]. Đối với 01 phong bì thư niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định là vật nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

[11]. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen xanh có số Imei 358322/03/722083/3 trong có thẻ sim không liên quan gì đến hành vi phạm tội của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Huyền đề nghị trả cho bị cáo sim số thuê bao đã cho bị cáo sử dụng nên cần trả lại bị cáo theo quy tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[12]. Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn S 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 26/12/2017.

3. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS 2015; khoản 2 Điều 106 BLTTHS.:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định.

- Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen xanh có số Imei 358322/03/722083/3 trong có thẻ sim.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm .

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- CQ THADS TPBG;
- Lưu HS, VP.

**T/M - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Triệu Thị Luyện

